

CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/2025/CBTT

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP ILA thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) riêng Công ty mẹ quý 1/năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ Phần ILA**

Mã chứng khoán: ILA

Địa chỉ: 49 đường số 5, Khu đô thị An Phú An Khánh, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại liên hệ/Tel: 0782 168 168 Fax:

Email: info@ilagroup.com.vn

Website: ilagroup.com.vn

Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 1/năm 2025

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có ☐

Không ☒

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☒

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có ☐

Không ☒

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐

Không ☒



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☒

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒

Không ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/4/2025 tại đường dẫn: <http://ilagroup.com.vn/co-dong/danh-muc/bao-cao-tai-chinh-16.html>

- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng quý 1/2025
- Văn bản giải trình số 36/2025/ILA-CV.GT

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



ĐẶNG XUÂN HỮU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ILA



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
2. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	03-06
3. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
4. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08-09
5. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-23

3332

NG T
PH
L

O HO

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Công ty Cổ phần ILA.

1. Thông tin chung về công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/9/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA (gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/3/2018 và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/3/2018. Công ty Cổ phần ILA tăng vốn điều lệ lên 185.299.390.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/01/2022. Công ty Cổ phần ILA thay đổi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 20/5/2024.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

Trụ sở chính: 49 đường số 5, Khu đô thị An Phú An Khánh, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: 139D đường số 11, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính riêng đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Xuân Phong	Chủ tịch HĐQT
Ông Đặng Xuân Hữu	Thành viên
Ông Lê Nhật Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Triều	Thành viên độc lập
Ông Võ Xuân Cường	Thành viên

Ủy ban kiểm toán

Ông Nguyễn Minh Triều	Chủ tịch
Ông Võ Xuân Cường	Thành viên

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Đặng Xuân Hữu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Phúc	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng như sau:

Ông Đặng Xuân Hữu - Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

4. Cam kết của Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính riêng phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính riêng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

5. Xác nhận

Tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.



Đặng Xuân Hữu

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 04 năm 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.488.922.735	3.682.145.665
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	197.124.599	2.149.229.150
1. Tiền	111		197.124.599	2.149.229.150
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.170.539.872	1.475.996.399
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	720.366.555	317.910.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	330.473.317	483.636.399
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	201.500.000	756.250.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,4	(81.800.000)	(81.800.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	64.338.148	-
1. Hàng tồn kho	141		64.338.148	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		56.920.116	56.920.116
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9b	56.920.116	56.920.116
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		229.814.784.891	229.814.784.891
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	229.814.784.891	229.814.784.891
1. Đầu tư vào công ty con	251		230.250.000.000	230.250.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(435.215.109)	(435.215.109)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		231.303.707.626	233.496.930.556

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.629.958.783	36.118.654.142
I. Nợ ngắn hạn	310		564.958.783	1.168.654.142
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.8	86.668.812	997.589.520
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9a	159.789.432	114.835.044
4. Phải trả người lao động	314		83.887.999	38.193.759
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10a	234.612.540	18.035.819
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		33.065.000.000	34.950.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.10b	33.065.000.000	34.950.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		197.673.748.843	197.378.276.414
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	197.673.748.843	197.378.276.414
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		196.414.310.000	196.414.310.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		196.414.310.000	196.414.310.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.259.438.843	963.966.414
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		963.966.414	1.190.175.309
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		295.472.429	(226.208.895)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		231.303.707.626	233.496.930.556

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng/ Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 04 năm 2025

Đặng Xuân Hữu
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.130.039.490	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.130.039.490	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.632.542.886	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		497.496.604	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	21.258	218.388.352
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	-	632.465.753
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	632.465.753
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	201.806.131	251.602.432
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		295.711.731	(665.679.833)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		239.302	6.279.767
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(239.302)	(6.279.767)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		295.472.429	(671.959.600)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		295.472.429	(671.959.600)

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng/ Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 04 năm 2025


Đặng Xuân Hữu
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		295.472.429	(671.959.600)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(218.372.603)
- Chi phí lãi vay	06		-	632.465.753
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		295.472.429	(257.866.450)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		305.456.527	(2.884.022.116)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(64.338.148)	-
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(2.488.695.359)	512.964.307
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		-	-
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(632.465.753)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(605.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.952.104.551)	(3.866.390.012)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.350.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	1.350.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.952.104.551)	(2.516.390.012)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.149.229.150	2.857.010.141
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	197.124.599	340.620.129

Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng/ Người lập biểu

Đặng Xuân Hữu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 04 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/09/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA (gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/3/2018 và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/3/2018. Công ty Cổ phần ILA tăng vốn điều lệ lên 185.299.390.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/01/2022. Công ty Cổ phần ILA thay đổi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 20/5/2024.

Mã chứng khoán: ILA.

Tên tiếng Anh: ILA JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: ILA JSC.

Trụ sở chính: 49 đường số 5, Khu đô thị An Phú An Khánh, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.**3. Hoạt động chính của Công ty**

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

7. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 3 năm 2025: 3 nhân viên. (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3 nhân viên).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Cấu trúc doanh nghiệp

8.1. Danh sách các công ty con

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty có bốn (04) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần ILA E&C			
Địa chỉ: 139D Đường số 11, Khu phố 9, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, xây dựng thi công, công trình dự án.	98,00%	98,00%
8.1. Danh sách các công ty con			
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo			
Địa chỉ: 40/5k, Tổ 39, Khu phố 4, Thị trấn Hóc Môn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	95,00%	95,00%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh			
Địa chỉ: Số 101 Đường N8, Khu dân cư Đông An, Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm từ Plastic, kinh doanh vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng và sản xuất linh kiện điện tử	98,80%	98,80%
Công ty Cổ phần Khoáng Sản ILA			
Địa chỉ: 129 Tăng Bạt Hổ, Phường Lê Lợi, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Sản xuất bê tông và các sản phẩm tư xi măng và thạch cao	98,00%	98,00%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính riêng đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Khoản đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ được ghi nhận trên báo cáo tài chính của bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

7. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó công ty thực hiện việc trích lập các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng qui định (thông tư) của Bộ lao động Thương binh Xã hội ban hành và thay đổi theo từng thời điểm trong năm 2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi ngân hàng và lãi chuyển nhượng cổ phiếu.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của hàng hóa và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ trong kỳ được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Trong kỳ, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, chi phí phải trả, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

12. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/03/2025	01/01/2025
Tiền	197.124.599	2.149.229.150
Tiền mặt	189.067.897	333.165.447
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.056.702	1.816.063.703
Cộng	197.124.599	2.149.229.150

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính: Xem thuyết minh trang 21-22				
3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Phát triển Xây dựng Hoàng Mỹ	-	-	196.830.000	-
Phải thu bên liên quan	720.366.555	-	121.080.000	-
Cộng	720.366.555	-	317.910.000	-
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đá Nử Hoàng	146.293.168	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng B.M.T	69.667.600	-	379.187.500	-
Công ty TNHH Tú Anh Modern House	74.000.000	(51.800.000)	74.000.000	(51.800.000)
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	30.000.000	(30.000.000)	30.000.000	(30.000.000)
Nhà cung cấp khác	10.512.549	-	448.899	-
Cộng	330.473.317	(81.800.000)	483.636.399	(81.800.000)
5. Phải thu khác ngắn hạn	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	500.000	-	500.000	-
Phải thu khác là các bên liên quan (Xem thuyết minh VII.3)	-	-	554.750.000	-
Phải thu khác	201.000.000	-	201.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng XNK Hồng Phát	201.000.000	-	201.000.000	-
Cộng	201.500.000	-	756.250.000	-
6. Hàng tồn kho	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	64.338.148	-	-	-
Cộng	64.338.148	-	-	-
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.				
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: không có.				
7. Nợ xấu: Xem thuyết minh trang 23.				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Phải trả cho người bán ngắn hạn	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV HBA	-	-	997.589.520	997.589.520
Đối tượng khác	86.668.812	86.668.812	-	-
Cộng	86.668.812	86.668.812	997.589.520	997.589.520
9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/03/2025
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	83.193.187	486.850.065	446.721.327	123.321.925
Thuế thu nhập cá nhân	31.641.857	4.825.650	-	36.467.507
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	114.835.044	494.675.715	449.721.327	159.789.432
b. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.920.116	-	-	56.920.116
Cộng	56.920.116	-	-	56.920.116
10. Phải trả khác				
			31/03/2025	01/01/2025
a. Ngắn hạn				
			234.612.540	10.732.640
Kinh phí công đoàn			6.454.208	6.454.208
Các khoản bảo hiểm xã hội			28.158.332	4.278.432
Phải trả khác			200.000.000	-
b. Dài hạn				
			33.065.000.000	34.950.000.000
Phải trả các bên liên quan (Xem thuyết minh VII.3) (*)			33.065.000.000	34.950.000.000
Cộng			33.299.612.540	34.960.732.640
(*) Đây là khoảng hỗ trợ vốn của các Công ty trong tập đoàn. Thời gian hỗ trợ vốn là 24 tháng kể từ ngày hỗ trợ và không tính lãi suất.				
11. Vốn chủ sở hữu				
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu				
Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	
Số dư tại 01/01/2024	185.299.390.000	12.305.095.309	197.604.485.309	
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	11.114.920.000	(11.114.920.000)	-	
Lỗ trong năm	-	(226.208.895)	(226.208.895)	
Số dư tại 31/12/2024	196.414.310.000	963.966.414	197.378.276.414	
Số dư tại 01/01/2025	196.414.310.000	963.966.414	197.378.276.414	
Lãi trong kỳ	-	295.472.429	295.472.429	
Số dư tại 31/3/2025	196.414.310.000	1.259.438.843	197.673.748.843	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Vốn chủ sở hữu			
b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/03/2025	01/01/2025
Vốn góp của các cổ đông			
Võ Xuân Phong	15,14%	29.734.060.000	29.734.060.000
Hồ Ngọc Tỷ	5,40%	10.600.000.000	10.600.000.000
Đặng Xuân Hữu	5,45%	10.703.880.000	10.703.880.000
Cổ đông khác	74,02%	145.376.370.000	145.376.370.000
Cộng	100,0%	196.414.310.000	196.414.310.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Vốn góp của chủ sở hữu		196.414.310.000	185.299.390.000
Vốn góp đầu kỳ		196.414.310.000	185.299.390.000
Vốn góp tăng trong năm		-	-
Vốn góp cuối kỳ		196.414.310.000	185.299.390.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-	-
d. Cổ phiếu		31/03/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		19.641.431	19.641.431
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		19.641.431	19.641.431
Cổ phiếu phổ thông		19.641.431	19.641.431
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		19.641.431	19.641.431
Cổ phiếu phổ thông		19.641.431	19.641.431
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.		10.000	10.000
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ		5.130.039.490	-
Cộng		5.130.039.490	-
2. Giá vốn hàng bán		Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ		4.632.542.886	-
Cộng		4.632.542.886	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính		Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Lãi tiền gửi không kỳ hạn		21.258	15.749
Lãi cho vay		-	218.372.603
Cộng		21.258	218.388.352

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Chi phí tài chính	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Chi phí lãi vay	-	632.465.753
Cộng	-	632.465.753
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Chi phí nhân viên	171.296.111	177.398.732
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.121.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.510.020	71.082.700
Cộng	201.806.131	251.602.432
6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Chi phí nhân công	171.296.111	177.398.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.510.020	71.082.700
Cộng	201.806.131	251.602.432
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý năm trước
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	295.472.429	(671.959.600)
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	239.302	6.279.767
Các khoản điều chỉnh tăng	239.302	6.279.767
Chi phí không được trừ	239.302	6.279.767
3. Thu nhập chịu thuế năm nay	295.711.731	(665.679.833)
4. Chuyển lỗ	(295.711.731)	-
5. Thu nhập chịu thuế sau chuyển lỗ	-	-
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính quan trọng nào khác yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 03/4/2025, Công ty thông qua Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐQT thoái vốn 95% vốn góp tại Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan trong quý	
Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Đặng Xuân Hữu	Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Vĩnh Khánh	Công ty con
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo	Công ty con
Công ty Cổ phần ILA E&C	Công ty con
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/03/202501/01/2025
Công ty Cổ phần ILA E&C	627.493.015-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Vĩnh Khánh	92.873.540-
Cộng	720.366.555-
Phải trả khác	31/03/202501/01/2024
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Vĩnh Khánh	14.090.000.00015.390.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo	18.975.000.00019.560.000.000
Cộng	33.065.000.00034.950.000.000
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	Quý I năm 2025Quý I năm 2024
Ông Đặng Xuân Hữu - Tổng Giám đốc	75.000.00075.000.000
Cộng	75.000.00075.000.000

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.



Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng/ Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 04 năm 2025



Đặng Xuân Hữu
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Đầu tư vào công ty con	230.250.000.000	(435.215.109)	230.250.000.000	(435.215.109)
Công ty Cổ phần ILA E&C (1)	88.250.000.000	-	88.250.000.000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo (2)	19.000.000.000	-	19.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh (3)	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng Sản ILA (4)	98.000.000.000	(435.215.109)	98.000.000.000	(435.215.109)
Cộng	230.250.000.000	(435.215.109)	230.250.000.000	(435.215.109)

(1) Căn cứ theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/5/2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần ILA đã thông qua việc đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần ILA E&C ("ILA E&C"). ILA E&C được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310259362 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 9 năm 2010 và được thay đổi lần 8 vào ngày 10 tháng 3 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn kim loại và quặng kim loại, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, xây dựng thi công, công trình dự án. Tỷ lệ phần sở hữu là 98%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025, hoạt động kinh doanh bình thường và có lãi.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(2) Căn cứ theo Nghị quyết số 3105/2023/NQ-HĐQT ngày 31/5/2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần ILA đã thông qua việc đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo ("PB"). PB được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0317334509 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 6 năm 2022 và được thay đổi lần 2 vào ngày 08 tháng 12 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động kinh doanh chính là bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã đạt quyền kiểm soát 95% PB. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025, PB hoạt động kinh doanh bình thường và có lãi.

(3) Căn cứ theo Nghị quyết số 3105/2023/NQ-HĐQT ngày 31/5/2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần ILA đã thông qua việc đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh ("VKI"). VKI được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703078326 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2022 và được thay đổi lần 3 vào ngày 20 tháng 3 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất sản phẩm từ Plastic, kinh doanh vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng và sản xuất linh kiện điện tử. Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp từ Bà Lê Thùy Trang (Bên liên quan) với giá chuyển nhượng là 5.000.000.000 VND và góp vốn thêm vào VKI với giá trị vốn góp là 20.000.000.000 VND, tương đương 98,8% vốn điều lệ của VKI. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025, VKI hoạt động kinh doanh bình thường và có lãi.

(4) Căn cứ theo Nghị quyết số 1309/NQ-HĐQT ngày 13/9/2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần ILA đã thông qua việc đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Khoáng Sản ILA ("Khoáng Sản ILA"). Khoáng Sản ILA được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101563415 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2020 và được thay đổi lần 4 vào ngày 31 tháng 10 năm 2024 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2025, Khoáng Sản ILA đã được trích lập dự phòng theo quy định.

(*) Giá trị hợp lý tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2025 của khoản đầu tư vào các đơn vị chưa đại chúng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này. Do vậy, giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.7. Nợ xấu	31/03/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	104.000.000	22.200.000	104.000.000	22.200.000
Công ty TNHH Tú Anh Modern House	74.000.000	22.200.000	74.000.000	22.200.000
		Trên 6 tháng đến dưới 1 năm		Trên 6 tháng đến dưới 1 năm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	30.000.000	-	30.000.000	-
		Khoản phải thu quá hạn từ 2 đến 3 năm		Khoản phải thu quá hạn từ 2 đến 3 năm